TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DSST
Ngày 24-5-2018
V/v Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn; Bà Ngô Thị Nguyệt.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 04/2017/TLST- DS ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST - DS ngày 20/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nông Thị S, sinh năm 1965 (Có mặt)

Bị đơn: Bà Vũ Thị P, sinh năm 1931 (Có mặt)

Đều trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Anh Vi Văn C, sinh năm 1975 (Có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND huyện L - Do ông Lê Bá T là Phó Chủ tịch UBND huyện đại diện theo ủy quyền (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang – Do ông Vi Văn D là Chủ tịch đại diện theo pháp luật (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Chị Vi Thị N, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm 3, xã L, huyện Y, tỉnh Quảng Ninh.

4. Chị Vi Thị T, sinh năm 1993(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Khu 4, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Ninh.

5. Chị Vi Thị D, sinh năm 1997 (Có mặt)

Trú tại: Làng G, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Vi Văn N, sinh năm 2000 (Có mặt)

(do bà Nông Thị S là mẹ đẻ giám hộ)

Trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Người làm chứng:**

1. Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1972 (Có mặt)

Trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Vi Văn G, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Vi Văn N, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Vi Văn K, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

5. Ông Vi Văn Đ1, sinh năm 1960 (Có mặt)

Trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2016, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nông Thị S trình bày:

Gia đình bà có một thửa ruộng diện tích 504,8m^2 ở xứ đồng H, thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc thửa ruộng này là do vợ chồng bà tự khai vỡ hóa từ năm 1993, khi đó diện tích này là đất bỏ hoang, đất đá lẫn lộn, chưa trồng trọt hay canh tác gì được, vợ chồng bà dùng công cụ lao động thô sơ như cây kéo và cuốc để san lấp, đóng cọc, đắp bờ, cải tạo trong thời gian 3 năm mới thành ruộng để cấy lúa. Vợ chồng bà sử dụng diện tích này ổn định suốt từ năm 1993 và không xảy tranh chấp với bất kỳ ai. Năm 2013 chồng bà là ông Vi Văn M bị bệnh chết, từ đó đến nay chỉ có bà là người quản lý, canh tác, trồng trọt trên diện tích đất ruộng này. Năm 2016 bà đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa ruộng trên thì phát sinh tranh chấp với bà Vũ Thị P. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do bà Vũ Thị P cho rằng đất ruộng trên là do ông, cha bà P từ xưa để lại. Ngày 23/3/2016 bà Vũ Thị P cùng con trai là anh Vi Văn Đ đến thửa ruộng trên đào hố trồng cây vải với mục đích chiếm đất. Bà đã nhiều lần đề nghị thôn và xã giải quyết nhưng không thành. Nay bà khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu bà Vũ Thị P trả lại đất ruộng có diện tích 504,8m^2 nêu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2017 và các lời khai tiếp theo, bị đơn bà Vũ Thị P trình bày: Bà và ông Vi Văn S sinh được 06 người con, trong đó con trai cả là Vi Văn M kết hôn với bà Nông Thị S vào năm 1990, bà với bà Nông Thị S quan hệ là mẹ chồng con dâu. Diện tích đất ruộng đang tranh chấp với bà Nông Thị S có diện tích khoảng 01 sào 05 thước, nguồn gốc đất này có từ thời bố, mẹ chồng bà để lại, khi bà về làm vợ ông S thì đã có đất ruộng này, khi đó ruộng chỉ sử dụng để cấy lúa. Khi con trai bà là Vi Văn M lấy bà S thì bà cho ra ở riêng, khoảng năm 1994 ông M sang hỏi mượn bà thửa ruộng trên để trồng lúa thì bà đồng ý cho mượn và vợ chồng ông M – bà S đã sử dụng suốt từ ngày đó đến nay. Từ trước năm 1993 thì thửa ruộng này vẫn do gia đình bà quản lý (có giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất), mục đích sử dụng để trồng lúa, không xảy ra tranh chấp với ai, gia đình bà vẫn nộp thuế, sản hàng năm với Hợp tác xã thôn C. Năm 1979 Nhà nước mở rộng con đường quốc lộ đã thu hồi một phần đất ruộng này, gia đình bà có được đền bù khoảng một vài nghìn đồng (bà không nhớ rõ cụ thể là bao nhiêu và cũng không có căn cứ gì chứng minh cho việc đó). Nhà nước sau đó đã hủy bỏ các giấy tờ về quyền sử dụng đất. Hiện tại gia đình bà không có giấy tờ, sổ sách gì chứng minh là có quyền sử dụng diện tích đất ruộng trên. Thời điểm năm 1994 khi bà cho vợ chồng M - S mượn đất ruộng này thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai, việc bà cho mượn chỉ nói miệng chứ không lập văn bản, giấy tờ gì, anh M nói khi nào đòi thì anh M sẽ trả lại.

Năm 2012 anh M chết, bà thương hại con dâu (bà S) và các cháu nên vẫn để cho bà S tiếp tục sử dụng, canh tác. Khoảng tháng 02 năm 2015 bà có bảo con trai là Vi Văn Đ lên nhà bà Sâm đòi lại đất ruộng này thì bà S nói không đồng ý trả lại, lý do là bà S cho rằng đất ruộng do vợ chồng bà S khai hoang chứ không phải đất mượn của bà. Ngày 15/2/2016 (Âm lịch) bà có cùng con trai là anh Vi Văn Đ, Vi Văn T mang một số cành vải (do gia đình bà tự chiết) đến trồng trên thửa ruộng này, bà S đã đề nghị UBND xã giải quyết nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được. Nay bà S khởi kiện đòi quyền sử dụng đất đối với diện tích ruộng trên thì quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, anh Vi Văn C trình bày: Anh là con của bà Vũ Thị P, anh được bà P ủy quyền tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Nông Thị S. Anh và bà Nông Thị S có quan hệ em chồng – chị dâu. Về nguồn gốc thửa ruộng có diện tích khoảng 504,8m^2 tại xứ đồng H thuộc thôn C, xã P, huyện L là đất do ông nội anh để lại cho bố mẹ anh là ông S, bà P sử dụng (Việc này không có văn bản, giấy tờ gì). Từ nhỏ anh đã được chứng kiến bố mẹ anh (ông S, bà P) sử dụng đất ruộng này để trồng lúa, không xảy ra tranh chấp với ai. Năm 2012 bố anh là ông Vi Văn S chết, năm 1993 anh đi nghĩa vụ quân sự đến năm 1995 anh

trở về nhà thì thấy vợ chồng anh M, chị S đang sử dụng diện tích đất ruộng trên, anh có hỏi mẹ anh là bà Vũ Thị P thì được bà P cho biết vợ chồng anh M mượn để cấy lúa. Việc các bên thỏa thuận cho nhau mượn ruộng như thế nào anh không biết, đất ruộng này khi đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất này là tài sản riêng của bố mẹ anh, anh không có công sức đóng góp gì. Tại phiên tòa anh xác định gia đình anh cũng như mẹ anh là bà Vũ Thị P không có bất cứ loại giấy tờ, văn bản nào để chứng minh cho việc có quyền sử dụng đất ruộng trên. Đối với việc bà Nông Thị S khởi kiện đòi lại diện tích đất ruộng trên, quan điểm của anh là không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2017 chị Vi Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Chị là con gái lớn của bà Nông Thị S và ông Vi Văn M, từ nhỏ lớn lên chị đã chứng kiến bố mẹ chị canh tác trồng lúa ở thửa ruộng cạnh Quốc lộ 279 mà hiện nay đang xảy ra tranh chấp với bà Vũ Thị P. Nguồn gốc diện tích đất ruộng này là do bố mẹ chị khai hoang từ khi chị mới sinh ra đến khi các chị em của chị lớn lên thì cùng canh tác giúp bố mẹ, năm 2012 bố chị là ông Vi Văn M chết thì từ đó chỉ có mẹ chị là bà S canh tác trên đất ruộng này. Quá trình bố mẹ chị sử dụng đất không xảy ra tranh chấp với ai, việc bà Vũ Thị P cho rằng đó là đất do bà P cho bố mẹ chị mượn là không đúng sự thật vì bà P không có giấy tờ, văn bản gì để chứng minh. Chị xác định là không có đóng góp công sức gì vào việc tạo dựng thửa ruộng này nên quyền lợi của chị không bị ảnh hưởng gì, nay do điều kiện lấy chồng ở xa không thể về thường xuyên được nên chị xin miễn tham gia tố tụng, chị giữ nguyên lời khai và quan điểm như đã trình bày trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vi Thị T trình bày: Chị là con gái thứ 2 của bà Nông Thị S bà ông Vi Văn M, từ nhỏ lớn lên chị đã chứng kiến bố mẹ chị canh tác trên thửa ruộng trên và không xảy ra tranh chấp với ai. Nguồn gốc thửa ruộng như thế nào thì chị không biết vì khi đó chị chưa được sinh ra, chỉ nghe bố mẹ chị nói là do bố mẹ chị khai phá từ khi mới lấy nhau. Chị xác định thửa ruộng trên là tài sản của riêng mẹ chị (bà S), chị không đóng góp công sức gì. Nay do điều kiện lấy chồng ở xa nên chị xin được miễn tham gia tố tụng và giữ nguyên những lời khai đã cung cấp cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vi Thị D trình bày: Chị là con gái thứ 3 của bà Nông Thị S và ông Vi Văn M, chị có được chứng kiến bố mẹ chị canh tác thửa ruộng ở cạnh Quốc lộ 279 từ khi chị còn bé, gia đình chị sử dụng thửa ruộng này từ rất lâu rồi và chỉ có một thửa ruộng duy nhất này nằm ở cạnh Quốc lộ 279. Chị không được chứng kiến việc bố mẹ tạo dựng tài sản này mà chỉ nghe kể lại là bố mẹ chị khai hoang từ khi mới lấy nhau, quá trình sử dụng đất này không

hề xảy ra tranh chấp với ai. Chị xác định thửa ruộng trên là tài sản của riêng mẹ chị (bà S), chị không đóng góp công sức gì. Nay do điều kiện lấy chồng ở xa nên chị xin được miễn tham gia tố tụng và giữ nguyên những lời khai đã cung cấp cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vi Văn N trình bày: Anh là con trai út của bà Nông Thị S và ông Vi Văn M. Từ nhỏ anh được cùng bố mẹ canh tác trên thửa ruộng cạnh đường quốc lộ 279. Gia đình anh sử dụng đất ổn định lâu dài, đến khoảng năm 2015 -2016 khi Nhà nước có chương trình đo đạc diện tích để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa ruộng trên thì mới xảy ra tranh chấp với bà Vũ Thị P (bà nội của anh). Diện tích đất trên là của bố mẹ anh, anh không đóng góp công sức gì. Do điều kiện đi làm xa nhà nên anh xin miễn tham gia tố tụng và giữ nguyên những lời khai đã cung cấp cho Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 27/9/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện L do ông Lê Bá T – Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện đại diện theo ủy quyền khai: Diện tích đất đang có tranh chấp giữa bà Nông Thị S và bà Vũ Thị P là đất nông nghiệp (trồng lúa) có diện tích 504,8m^2 theo bảng thống kê diện tích loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng năm 2010. Nguồn gốc điện tích đất ruộng này do người dân tự khai vỡ, đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo các tài liệu thu thập được có căn cứ chứng minh vợ chồng bà Nông Thị S và ông Vi Văn M là người khai vỡ và quản lý, sử dụng ổn định diện tích đất này để trồng lúa nước từ những năm 1993 - 1994 đến nay, chưa bao giờ xảy ra tranh chấp với gia đình bà Vũ Thị P cũng như với ai khác. Mặt khác bị đơn là bà Vũ Thị P cho rằng đất này là đất do bố mẹ chồng bà để lại nhưng bà không cung cấp được bất kỳ tài liệu, văn bản, chứng cứ gì chứng minh cho việc đó, không có ai làm chứng cho việc đó. Năm 2010 Hội đồng bồi thường hỗ trợ dự án di dân Trường bắn TB1 có thuê đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần công nghệ môi trường và chắc địa bản đồ Xương Giang thực hiện việc đo đạc một số diện tích đất trồng lúa nằm ngoài đất Trường bắn TB1 thuộc xã P để làm cơ sở thực hiện dự án di dân TB1, sau khi đo đạc xong có tổ chức công khai để người dân đến nhận ruộng. Theo tài liệu còn lưu trữ cho thấy trong danh sách các hộ đến nhận đất có gia đình bà S đến nhận 02 thửa ruộng là thửa số 231 diện tích 447,4m^2 và thửa số 242 diện tích 57,4m^2. Hai thửa ruộng này nằm liền nhau và có tổng diện tích 504,8m^2 thuộc địa phận thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, trong danh sách không có tên người nào là Vũ Thị P đến nhận đất. Nay quan điểm của UBND huyện L là đề nghị Tòa án nhân dân huyện tiếp tục điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, giải quyết tranh chấp giữa hai bên theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã P, huyện L - do ông Vi Văn D là Chủ tich UBND xã đại diện theo pháp luật trình bày: Nguồn gốc đất đang xảy ra tranh chấp giữa bà Nông Thị S và bà Vũ Thị P là

đất nông nghiệp (trồng lúa) có diện tích 504,8m^2 theo bản đồ địa chính đất trồng cây hàng năm cho các xã B, P, P1 của huyện L phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án di dân tái định cư của Trường bắn TB1 (tờ bản đồ số 28), ngoài tài liệu trên thì hiện tại UBND xã P không lữu giữ được thêm bất kỳ văn bản, tài liệu nào khác liên quan đến diện tích đất ruộng này. Nguồn gốc đất này là do người dân tự khai vỡ, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nằm trong diện quản lý về đất nông nghiệp của địa phương nhưng do là đất tự khai hoang và chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên người sử dụng đất (bà S) không phải đóng thuế đất. Việc gia đình bà Vũ Thị P trình bày là đã sử dụng ổn định từ những năm 1979 và phải đóng thuế, sản cho Hợp tác xã nông nghiệp thôn C là không đúng sự thật vì đất này là đất người dân tự khai hoang nên chưa bao giờ địa phương thu thuế, sản. Về vấn đề ai là người có công khai hoang diện tích đất trên thì địa phương không có căn cứ để khẳng định, nhưng có thể xác định vợ chồng bà S – ông M (đã chết năm 2012) là những người trực tiếp sử dụng, canh tác đất ruộng này để trồng lúa từ khoảng những năm 1993 - 1994 đến nay và không hề có tranh chấp với ai cũng như có tranh chấp với gia đình bà Vũ Thị P. Năm 2016 bà S có đề nghị UBND xã P làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa ruộng diện tích 504,8m^2 này thì mới phát sinh tranh chấp với bà Vũ Thị P, từ đó đến nay diện tích này vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S. Tháng 3/2016 gia đình bà P có đến phần ruộng này đào hố trồng cành vải thì bà S đã trình báo với UBND xã, UBND xã đã gọi các bên đến giải thích đồng thời dàn xếp cho các bên thỏa thuận với nhau nhưng không thành. Vấn đề các bên thỏa thuận cho nhau mượn đất hay cho hẳn đất thì UBND xã không nắm được. Vấn đề ai là người có công khai hoang đất ruộng trên thì đề nghị Tòa án thu thập lời khai của những người làm lãnh đạo UBND xã, thôn trong thời kỳ đó và những người làm chứng khác để có thể kết luận. Do UBND xã không có thẩm quyền cấp đất, giao đất nên đề nghị Tòa án tham khảo ý kiến của UBND huyện Lục Ngạn để quyết định việc tiếp tục giao đất cho người có quyền quản lý, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2017 người làm chứng là anh Vi Văn Đ trình bày: Anh là con đẻ của bà Vũ Thị P và là em chồng bà S. Đối với diện tích đất ruộng đang xảy ra tranh chấp giữa bà S và bà P thì anh không liên quan gì, anh không đóng góp công sức hay tài sản gì vào phần đất này. Về nguồn gốc diện tích đất ruộng này là do ông bà nội anh để lại cho bố mẹ anh (là ông S – bà P). Bố mẹ anh sử dụng để canh tác trồng lúa từ khi anh còn nhỏ, không xảy ra tranh chấp với ai. Đến năm 1994 mẹ anh là Vũ Thị P cho anh trai cả của anh là Vi Văn M mượn để trồng lúa, vợ chồng anh M, chị S sử dụng trồng lúa ổn định từ năm 1994 đến nay, không tranh chấp với ai. Sau khi anh M chết vào năm 2012 đến ngày 21/01/2015 (âm lịch) mẹ anh có bảo anh lên nhà bà S nói chuyện để đòi lại ruộng nhưng bà S không đồng ý trả lại, lý do S cho rằng đó là ruộng do

vợ chồng bà S tự khai hoang. Ngày 15/2/2016 (Âm lịch) mẹ anh có bảo anh và em trai là Vi Văn T mang một số cành vải đến đào hố và trồng cành vải trên thửa ruộng trên, do bà S không đồng ý và báo với UBND xã nên từ đó đến nay diện tích đất ruộng này vẫn bỏ trống, không bên nào được sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2017 người làm chứng là ông Vi Văn G trình bày: Ông là Chủ tịch UBND xã P từ năm 1998 đến năm 2010. Thửa ruộng có diện tích 504,8m^2 đang có tranh chấp giữa bà Nông Thị S và bà Vũ Thị P nằm giáp ranh với thửa ruộng của nhà ông, do vậy ông nắm rất rõ những biến động cũng như nguồn gốc hình thành thửa ruộng của gia đình bà S. Nguồn gốc thửa ruộng mà bà S đang tranh chấp với bà P có từ rất lâu rồi (khoảng năm 1979 – 1980), ông được chứng kiến ông Vi Văn S và ông Vi Văn M (con trai cả của ông S) đến cuốc xới, trồng trọt tại thửa ruộng này. Lúc đó thửa ruộng chưa có diện tích lớn như bây giờ mà chỉ là một đám ruộng nhỏ ở phía sau thửa ruộng bây giờ, còn ở phía trước vẫn là thùng vũng đầy nước, không thể canh tác gì được. Diện tích đám ruộng nhỏ khi đó ông S cùng con trai là ông M trồng trọt có diện tích là khoảng bao nhiêu m^2 thì ông không biết cụ thể, trước năm 1979 đám ruộng này do ai khai phá thì ông không được biết, không được chứng kiến.

Khoảng năm 1993 – 1994 ông có chứng kiến vợ chồng bà S, ông M ra canh tác, trồng lúa trên thửa ruộng này. Vợ chồng bà S có tiến hành san lấp các thùng vũng ở phía trước để có được thửa ruộng lớn như bây giờ và vợ chồng bà S sử dụng liên tục thửa ruộng này từ năm 1993 – 1994 đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai.

Theo ông thì thửa ruộng có diện tích khoảng hơn 500 m^2 này có một phần công sức của ông S (chồng bà Vũ Thị P) vì ông S ra canh tác ở vị trí thửa ruộng này từ những năm 1979. Phần công sức của ông S ít hơn phần công sức của vợ chồng bà S vì vợ chồng bà S phải san lấp, cải tạo trong một thời gian rất dài (khoảng 3 năm) mới có được thửa ruộng hoàn chỉnh như hiện nay.

Trong thời gian ông công tác tại UBND xã Phong Vân thì diện tích đất ruộng này không nằm trong quản lý của Hợp tác xã nông nghiệp thôn C vì đây là ruộng do người dân tự khai hoang, do đó người dân không phải đòng thuế, sản cho Nhà nước, diện tích đất này không nằm trong sơ đồ quản lý đất nông nghiệp của địa phương, UBND xã không có sổ sách, tài liệu gì liên quan đến diện tích đất này.Việc các bên có thỏa thuận cho nhau mượn đất hay không thì địa phương không biết, diện tích đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2017 người làm chứng là ông Vi Văn N trình bày: Ông là trưởng thôn C, xã P từ năm 1998 đến năm 2009, diện tích đất ruộng đang xảy ra tranh chấp giữa bà Nông Thị S và bà Vũ Thị P từ năm 1993 trở về trước là đất của ai thì ông không biết, không được chứng kiến. Khoảng năm 1993 -1994 thì ông có chứng

kiến vợ chồng bà S, ông M ra khai phá, san lấp để canh tác trồng lúa trên thửa ruộng này, ông có được chứng kiến ông T, ông K, ông T1 là những người đã giúp đỡ vợ chồng bà S tiến hành san lấp, cải tạo diện tích đất ruộng này từ những năm 1994. Việc ông M, bà S có được ai cho mượn hay chuyển nhượng diện tích đất này hay không thì ông không biết, không được chứng kiến. Vợ chồng bà S sử dụng đất ruộng này liên tục từ năm 1993 – 1994 đến năm 2015 thì mới xảy ra tranh chấp với bà Vũ Thị P, việc gia đình bà P có đóng góp công sức trong việc tạo dựng tài sản này không thì ông không biết, không được chứng kiến. Ông khẳng định chỉ có vợ chồng bà S là người khai vỡ diện tích đất ruộng này và canh tác trồng lúa từ năm 1993 -1994 đến nay, ngoài ra ông không thấy có ai khác trồng trọt trên ruộng này. Đất ruộng này không nằm trong diện quản lý của Hợp tác xã nông nghiệp thôn C vì đây là đất người dân tự khai hoang, vỡ hóa. Do đó gia đình bà S không phải đóng bất kỳ khoản thuế đất, thuế sản nào cho địa phương. Ban quản lý thôn C không lưu giữ bất kỳ tài liệu, giấy tờ gì liên quan đến diện tích đất này. Theo ông được biết thì diện tích đất ruộng này chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2017 người làm chứng là ông Vi Văn K trình bày: Khoảng năm 1994 ông có được ông M, bà S nhờ ra san lấp giúp thửa ruộng ở cạnh Quốc lộ 279, vì lúc đó ông có trâu khỏe nên đã nhận lời ra làm giúp vợ chồng bà S 01 ngày (chỉ làm hộ chứ không được trả công). Hiện trạng thửa ruộng này lúc đó là một bãi thùng vũng, chỗ cao chỗ thấp, chỗ thì ngập nước và chưa thể canh tác trồng trọt gì được. Ông chứng kiến ngày hôm đó có khoảng 6 đến 7 người ra làm giúp cho vợ chồng bà S (trong đó có ông T, ông C, ông C1 (đã chết) và một số người nữa nhưng ông không nhớ là ai. Công việc lúc đó là lấy đất từ đám ruộng trên để san cho đám ruộng dưới cao lên. Quá trình ông làm giúp cho vợ chồng bà S không thấy xảy ra tranh chấp đất với ai. Sau khi cải tạo, san lấp xong (thời gian rất dài) thì vợ chồng bà S tiến hành canh tác trồng lúa trên thửa ruộng này. Việc canh tác của vợ chồng bà S là ổn định, không xảy ra tranh chấp với ai, không tranh chấp gì với gia đình bà P. Trong việc này ông chỉ là người đi làm hộ, chứ nguồn gốc đất ruộng này là đất của ai thì ông không biết, việc các bên trình bày trao đổi hoặc cho mượn đất thế nào thì ông nắm được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2017 người làm chứng là ông Vi Văn Đ1 trình bày: Ông có quan hệ gia đình với bà Vũ Thị P (ông gọi bà P là thím). Ông có được biết diện tích đất ruộng đang tranh chấp giữa bà S và bà P là đất có từ thời bố ông Vi Văn S, sau khi bố ông S chết thì vợ chồng ông S quản lý đất ruộng này. Trước đây gia đình ông có một thửa ruộng nằm giáp ranh với thửa ruộng đang có tranh chấp. Khoảng năm 1970 ông có được chứng kiến gia đình ông S quản lý, sử dụng đất này để trồng lúa, lúc đó thửa ruộng này vẫn bằng phẳng, không cần phải cải tạo gì, ông S canh tác đến năm

1979 – 1980 khi đó Nhà nước làm con đường nhựa to đi qua nên đã lấy đất của một số thửa ruộng gần đó để đắp lên đường. Khi đó thửa ruộng này bị múc mất đất, tạo thành từng hố thùng vũng, chỗ cao chỗ thấp. Ông S có san lấp từng chỗ để cấy lúa, chỗ nào cao quá thì không trồng được. Trong thời gian từ năm 1979 – 1990 ông S là người vừa cải tạo, vừa san lấp để có được thửa ruộng bằng phẳng như ngày nay. Sau khi ông S chết năm 1992 thì đất ruộng này giao cho con trai là anh Vi Văn Đ sử dụng, anh Đ sau đó cho vợ chồng bà S mượn đất để trồng lúa. Vợ chồng bà S có nhờ một số người trong thôn đến san lấp nốt các mô đất còn lại để thửa ruộng được bằng phẳng như ngày nay. Ông khẳng định thửa ruộng này có nguồn gốc của ông S (chồng bà Vũ Thị P) tạo dựng. Vợ chồng bà S, ông M là những người đến sau và góp công cải tạo thêm, san gạt một số vị trí cho ruộng được bằng phẳng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/6/2017 bà Nông Thị S có đơn đề nghị Tòa án định giá và xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản mà bà đang yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kết quả thẩm định, định giá:** Ngày 09/8/2017 Hội đồng định giá tài sản đã định giá đối với tài sản đang có tranh chấp giữa bà Nông Thị S và bà Vũ Thị P.

Kết quả định giá thể hiện tài sản tranh chấp giữa các bên là thửa ruộng có diện tích thực tế 674 m^2 ở xử đồng H, thuộc thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, phía bắc giáp đường quốc lộ 279, phía nam giáp suối nước, phía tây giáp với ruộng ông G, ông L, phía đông giáp ruộng bà T và giáp suối nước. Trên đất không trồng cây gì, không xây dựng công trình gì. Các bên đương sự thống nhất giá trị diện tích đất này là 200.000 đồng.

Theo như các bên đương sự khai và thông tin do UBND xã P cung cấp thì lý do có sự chênh lệch về diện tích của thửa ruộng này khi đo vẽ năm 2010 (tổng diện tích thửa ruộng là 504,8m^2) là do chưa đo cả phần bờ bao quanh ruộng, vì ruộng ở gần con suối lớn nên phải đắp bờ lớn bằng đất, khi đo lại thực tế cả phần bờ ruộng thì cho diện tích 674m^2 là chính xác.

Ngoài ra các bên đương sự không yêu cầu định giá tài sản gì khác.

Sau khi thông báo kết quả định giá nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến gì về kết quả định giá và đồng ý ký tên vào biên bản thẩm đinh, định giá tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

Ngày 10/4/2018 Tòa án đã mở phiên tòa nhưng do vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nên Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa.

***Tại phiên tòa hôm nay**:

Nguyên đơn bà Nông Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2016. Yêu cầu bà Vũ Thị P trả lại thửa ruộng có diện tích 504,8 m^2 (diện tích thực tế là 674 m^2) tại xứ đồng H, thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn là bà Vũ Thị P (do anh Vi Văn C là người đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên những lời khai trước đây đã khai tại tòa, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Vi Thị D, anh Vi Văn N giữ nguyên lời khai đã có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của chị D, anh N đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng là anh Vi Văn Đ trình bày: Năm 1992 khi bố anh là ông Vi Văn S chết thì mẹ anh là bà Vũ Thị P có giao cho anh quản lý, canh tác thửa ruộng hiện tại đang xảy ra tranh chấp. Năm 1994 anh Vi Văn M có hỏi mượn thửa ruộng này trồng lúa thì được anh đồng ý, tuy nhiên việc này không có căn cứ gì để chứng minh, anh cũng không nói lại cho bà P biết việc cho anh M mượn ruộng. Anh không có giấy tờ, văn bản gì chứng minh có quyền sử dụng diện tích ruộng trên, anh không có công sức tạo dựng tài sản trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện L (do ông Lê Bá T là Phó chủ tịch UBND huyện đại diện theo ủy quyền); UBND xã P (do ông Vi Văn D là Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật); Chị Vi Thị N, chi Vi Thị T vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người này có trong hồ sơ vụ án.

Người làm chứng là ông Vi Văn G, Vi Văn N, Vi Văn K mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người này tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án. Tòa án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các thủ tục khác của Tòa án trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng về thành phần theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 35, 147, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 4, 5, 101, 131, 166, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 6, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị S: Buộc bà Vũ Thị P phải trả lại cho bà Sâm diện tích đất 674 m^2 tiếp giáp với Quốc lộ 279 thuộc địa phận thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang để canh tác, sử dụng.

- Về án phí: Bà Vũ Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về người tham gia tố tụng vắng mặt:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang (do ông Lê Bá T là Phó chủ tịch UBND huyện đại diện theo ủy quyền); UBND xã P (do ông Vi Văn D là Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật); Chị Vi Thị N, chị Vi Thị T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, giấy báo phiên tòa hợp lệ. Nhưng tại phiên tòa hôm nay những người trên vẫn vắng mặt. Xét thấy tại văn bản ủy quyền ngày 12/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện L, ông Nguyễn Thanh B là Chủ tịch UBND huyện ủy quyền cho ông Lê Bá T tham gia tố tụng tại Tòa án. Việc ủy quyền này của Chủ tịch UBND huyện L tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Bá T, ông Vi Văn D, chị Vi Thị N, chị Vi Thị T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây cản trở cho việc xét xử vụ án cũng như gây thiệt hại về quyền lợi đối với họ do đó Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên là đúng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Quan hệ tranh chấp giữa bà Nông Thị S và bà Vũ Thị P là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân. Các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Bị đơn bà Vũ Thị P có nơi cư trú tại thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nơi có bất động sản xảy ra tranh chấp ở tại thôn C, xã P, huyện L, do vậy Tòa án nhân dân huyện L tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Tranh chấp giữa bà Nông Thị S và bà Vũ Thị P là quan hệ "Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy việc bà Nông Thị Sâm khởi kiện kiện đòi tài sản đối với bà Vũ Thị Phương là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 và được chấp nhận để xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào những tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai và biên bản lấy lời khai của các đương sự đã xác định, nguồn gốc diện tích đất nông nghiệp 674m^2 tại xứ đồng H, thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (theo mảnh trích đo địa chính số 17/2017 ngày 13/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L) là đất do vợ chồng bà Nông Thị S và ông Vi Văn M khai hoang, vỡ hóa từ những năm 1993 - 1994. Điều này là phù hợp với lời khai của nguyên đơn là bà Nông Thị S, lời khai của UBND xã P, lời khai của những người dân sinh sống lâu năm trên địa bàn, những hộ gia đình có đất liền kề. Phù hợp với những tình tiết, căn cứ, chứng cứ khác được thu thập như lời khai của những người làm chứng như ông Vi Văn K, Vi Văn N, Vi Văn G. Vợ chồng bà Nông Thị S sử dụng diện tích đất ruộng trên để canh tác trong một thời gian rất dài (trên 20 năm) mà không hề xảy ra tranh chấp với ai, từ sau khi ông Vi Văn M chết năm 2013 thì kể từ đó bà S là người canh tác trên diện tích đất ruộng này. Do vậy có đủ căn cứ để xác định bà Nông Thị S là người có quyền chiếm hữu, sử dụng hợp pháp diện tích đất ruộng trên.

Lời khai của bị đơn bà Vũ Thị P, người đại diện theo ủy quyền của bà P là anh Vi Văn C, lời khai của anh Vi Văn Đ, ông Vi Văn Đ là có nhiều điểm mâu thuẫn về nguồn gốc diện tích đất ruộng này. Mặc dù bà Vũ Thị P cho rằng bà là người có quyền sử dụng diện tích đất trên nhưng bà không thể cung cấp được bất kỳ văn bản, giấy tờ gì có giá trị pháp lý để chứng minh cho điều đó, bà P khai trước đây (khoảng trước năm 1979) diện tích này đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau này Nhà nước thu lại, lời khai trên của bà P là không có căn cứ vì năm 1993 mới có Luật đất đai, năm 1999 Nhà nước mới tiến hành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vấn đề cho vợ chồng bà S mượn đất theo lời khai của bà P, anh C, anh Đ là không thống nhất, lúc thì bà P khai là bà P cho anh M mượn đất, lúc thì bà P khai là để cho anh Đ sử dụng, sau đó anh Đ cho anh M mượn. Tại phiên tòa anh Đ nói việc cho anh M mượn đất thì anh không xin ý kiến và không nói lại cho bà P biết. Việc cho mượn đất hay cho đất giữa các bên cũng không hề có văn bản, giấy tờ gì để chứng minh.

Anh Đ cho rằng anh có được mẹ anh cho quản lý, sử dụng diện tích đất ruộng trên từ năm 1992, trong thời gian đó anh có đóng thuế sản cho Hợp tác xã nông nghiệp thôn C nhưng anh không lưu giữ được giấy tờ, văn bản gì chứng minh cho việc đó. Xét thấy lời khai của ông Vi Văn N là trưởng thôn C, ông Vi Văn G là Chủ tịch UBND xã P trong giai đoạn đó đều khẳng định việc các bên sử dụng diện tích đất trên không phải đóng bất cứ khoản thuế, khoán gì cho Nhà nước vì đó là đất người dân tự khai vỡ, không nằm trong diện đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Do vậy lời khai của Đ là không có căn cứ chấp nhận.

Việc anh Đ khai có cho anh M mượn diện tích trên để trồng lúa cũng chỉ là lời khai một phía của anh, không thể chứng minh được việc anh có cho anh M mượn đất

ruộng hay không. Mặt khác anh không phải là người có quyền chiếm hữu, sử dụng hợp pháp nên anh không có quyền giao dịch, cho người khác mượn đất này.

Năm 2010 Hội đồng bồi thường dự án di dân trường bắn TB1 có thuê tư vấn là Công ty Cổ phần công nghệ môi trường và chắc địa Xương Giang thực hiện đo đạc một số diện tích đất trồng lúa nằm ngoài diện tích đất trường bắn để làm cơ sở thực hiện di dân. Sau khi đo đạc đã công khai để người dân đến nhận ruộng, trong danh sách đến nhận có gia đình bà Nông Thị S nhận 02 thửa là thửa số 231 diện tích 447,2m^2 và thửa số 242 có diện tích 57,4m^2 (tổng diện tích hai thửa là 504,8 m^2), trong danh sách đến nhận đất không có tên bà P. Qua đó có căn cứ khẳng định diện tích đất ruộng 504,8 m^2 này không phải là đất của bà P.

Đối với lời khai của bà Vũ Thị P về việc cho vợ chồng bà S mượn đất để canh tác là không có căn cứ, không có tính lôgic và không phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Bà P cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do bố mẹ chồng để lại, gia đình bà sử dụng có phải đóng thuế, sản nhưng bà không đưa ra được căn cứ chứng minh cho điều đó.

Đối với lời khai của người làm chứng là ông Vi Văn Đ1: Xét thấy ông Đ1 là người có quan hệ gia đình với bà Vũ Thị P (ông Đ1 gọi bà P là thím), mặt khác lời khai của ông Đ1 không phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của ông Vi Văn Đ1 chưa thật sự vô tư, khách quan, chưa phản ánh đúng sự thật của vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nông Thị S một lần nữa bác bỏ lời khai của bà Vũ Thị P, bà S không thừa nhận việc được bà P cho mượn đất ruộng này, bà khẳng định chỉ có vợ chồng bà ra khai vỡ và canh tác ổn định đất ruộng này từ năm 1994 đến năm 2015, không vi phạm pháp luật về đất đai, được UBND xã P xác nhận là không xảy ra tranh chấp với ai trong quá trình sử dụng, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Xét thấy lời khai của bà Nông Thị S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, phù hợp với các lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong vụ án, phù hợp với thực tế khách quan. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị S, tạm giao diện tích 674m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng H, thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang cho bà Nông Thị S quản lý, sử dụng là phù hợp quy định của pháp luật.

Do bà Vũ Thị P chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với bà S nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với các yêu cầu khác của bà Vũ Thị P.

[3] Đối với chi phí định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nông Thị S đã nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền chi phí định giá tài sản. Đã chi phí định giá

hết 2.200.000 đồng, số tiền còn thừa đã thanh toán trả lại cho bà S. Tại phiên tòa bà S xin chịu cả tiền chi phí định giá tài sản 2.200.000 đồng, không yêu cầu bà Vũ Thị P phải hoàn trả cho bà. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề chi phí định giá tài sản.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị S được chấp nhận nên bà Vũ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà P thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà Phương được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nông Thị Sâm tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, 169, 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 101, 131, 166, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ khoản 5 Điều 20, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai:

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị S.

Tạm giao cho bà Nông Thị S quản lý, sử dụng 674 m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng H, thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang có cạnh phía bắc dài 10,5m giáp đường Quốc lộ 279; Cạnh phía nam giáp suối nước dài 20,18m; Cạnh phía tây giáp ruộng ông G, ông L có chiều dài 44,12m; Cạnh phía đông giáp ruộng bà T và giáp suối nước có chiều dài 49,98m (tọa độ vị trí và tứ cận tiếp giáp của thửa đất có sơ đồ kèm theo bản án này).

Bà Nông Thị S có quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Vũ Thị P.

- Hoàn trả bà Nông Thị S số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0000772 ngày 14/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã P, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thái Sơn